

Chữ Nghĩa Làng Văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích.

Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải
Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Chữ nghĩa làng văn

Nó tên tò, sợ vãi đá, nhịn như nhịn cơm sống.

Lâu lâu gặp một bà Bắc kỳ đặc dùng lại nghe cũng sượng cái lỗ tai. Như :
ăn phải đũa, ăn cơm khoán, ăn cơm tứ chiếng, ăn chực.

Nào là

bữa lưng bữa vục, rồi bà thổ ra, chả mấy khi...

Lại tiếp một lô chữ nữa ghi lại kéo quên:

cứ chỗ mồm vào, le te chạy vào, bà đã mà cả mà

cập, rõ mồn một, về muôn mấy, vào chơi cái đã nào, quá nhĩ, tối bức như lò than, người con gái trắng lôm lôm, con đi đặng này, đặng này là đặng nào, thờ rít lên như tiếng bể, gà gà mắt lên như người say thuốc Lào, ông đã diện oách, một tay bốc trời, cài toàng xong, đi húi tóc, đi bõm đầu..

Rồi đến:

châm đóm, thông điếu, xe điếu, nỏ điếu, quán đồ đèn suốt sáng, bắt rận, bắt chấy, cứ bỏ rẻ, ta nhắm vại miếng, bà ấy hay óm lửng, chẳng biết đâu mà lần, tôi chạy ù xuống bếp, thảng chạp còn gọi là thảng củ mật (thảng trộm cướp như rươi), mời ông đưa cay, những ngày rau lụi (hiếm rau), giỗ sống rồi, nói không ngoa, được mấy nả, phần đầu gà má lợn, hôn nhân điển thổ, vạn cổ chi thù, thế là cách không ai dám hỏi, cách đến già...

Thằng cù

Ngoài Bắc có câu: “*Thế nhân đãi kẻ khù khờ*”.

Trong Nam cũng có câu tương tự: “*Lù khù có ông cù độ mạng*”.

(*Ông cù là ông cù lằn chăng?*)

Tục ngữ Ta và Tàu

Được voi đòi tiên, được con em thêm con chị

Thời lai vận lai, thảo lão bà đói cá nữ nhi lai

(Thời đến vận đến, đòi vợ mang luôn con gái đến)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Dấu chấm không đơn giản

Sau dấu hai chấm (:)...

Có trường hợp viết hoa. Có trường hợp viết thường.

Lắm khi rơi vào tình trạng...“*chín người... mười ý*”.

(Nguồn : e-cadao.com)

Trích... “Tập làm văn”

Đề: Hãy tả cụ già mà em rất kính yêu.
(Dưới đây là từng đoạn của mỗi em tùy theo lớp)

1/ - Hình dáng của bà nội rất là thấp, được hai mét rưỡi dáng đi rất chậm chạp, mắt thì lờ đờ ít thấy gì nữa. Tính tình cụ già rất là bực bội. Khi bà nội cười liền nhe mầm răng ra còn được ba bốn cái gì mà thôi.

2/ - Con mắt của bà tròn như hòn bi, mũi có hai cái lỗ, cụ già có hai cái tai, tóc của bà đã bạc phơ. Cổ ngắn gọn, thân của bà 2, 3 thước, bà có hai cái tay, có hai cái chân.

3/ - Bà 40 tuổi. Hình dáng bình thường, chiều rộng ba mươi, chiều cao một mét sáu. Khi cười miệng bà móm mém như miệng cái hổ.

4/ - Khuôn mặt ông bầu bĩnh, đôi mắt ông như mắt bò câu trắng, dáng đi của ông rất hoang thai và cái miệng của ông như trái tim rất mãnh liệt.

5/ - Ông của em dài bằng 1 mét và không mập.

Biến đổi trong tiếng Việt

Ngôn ngữ không ngừng thay đổi theo thời gian, phát triển và thích nghi với đời sống của người sử dụng ngôn ngữ. Trong một bài biên khảo về sự biến đổi của tiếng Việt, cố giáo sư, học giả Lê Ngọc Trụ viết: *“Tiếng nước nào cũng có dòng sinh mệnh, sống, biến thái để tiến hóa về âm lẫn nghĩa. Và có lúc lại điêu tàn, hoặc hồi sinh để dùng vào một nghĩa khác”*.

Nhận xét này thì các nhà ngữ học cho rằng ngôn ngữ phát triển theo quy luật tự nhiên. Dù bất cứ ở nơi nào, thời điểm nào, tất cả mọi ngôn ngữ phải trải qua các giai đoạn: *“Nảy sinh, trưởng thành, hưng vượng, suy tàn và diệt vong”*.

Nhưng ngôn ngữ không bao giờ bị hủy diệt hoàn toàn vì: *“Ngôn ngữ luôn luôn kế thừa cái cũ và phát triển cái mới”*.

(Nguyễn Hữu Trí – Sự biến đổi từ vựng...)

Chữ Tàu, chữ Ấn Độ

Hỏi : Thân ái chào các bạn, nhờ các bạn chỉ giáo tự đâu có từ:

- " *Anh Ba* " (tàu)

- " *Anh Bấy* " (chà)

Hông biết có "anh hai", "anh tư", "anh năm" v.v. hông ? Xin đa tạ.

Đáp : Để tui dzìa tui hỏi tía tui à nha...

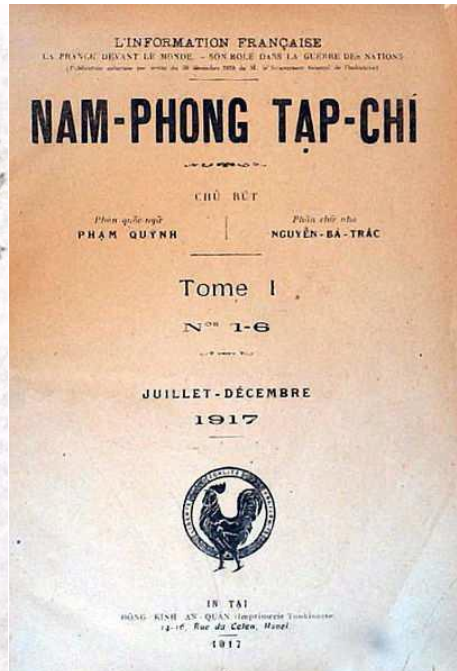
(Trau giời tiếng Việt - ĐatViet.com)

Giai thoại làng văn

Cho mãi đến lúc tờ “Đông Tây” đóng cửa, tôi vẫn chưa được biết Tẩy Xìa Đái Đức Tuấn.

Nói trộm vong hồn anh, qua những bức tranh nhái truyện Kiều in trên báo “Đông Tây” và mấy bài thơ, tôi rất lấy làm “bực” Tuấn. Vẽ cái gì mà nguệch ngoạc, nét chẳng ra nét, lời chẳng ra lời. Đến cái tên ký thì lại càng chường quá: Tê-chi-a là cái mốc gì? (TchYA): Tây chẳng ra Tây, Tàu chẳng ra Tàu, có lúc tán ra là “Tôi chẳng yêu ai”, có lúc lại bảo “Tôi chỉ yêu Angèle”.

Còn cái anh Trần Quang Trân ký Ngym là Người yêu mợ (hay Người yêu mình) hoặc Vũ Trọng Phụng trong Số Đỏ “típ phờ nờ” (Typhn) có nghĩa là “Tôi yêu phụ nữ”)...



Thủ Khoa Nghiã



Mộ Nguyễn Du

Đái Đức Tuấn, ngay từ buổi đầu gặp gỡ, đã hoàn toàn chiếm được cảm tình của tôi. Là một tham tá trẻ măng làm việc ở sở Học Chánh, Tuấn là một nghệ sĩ tuyệt vời, tài hoa đến chân lông kẽ tóc, tài hoa một cái tài hoa thiên nhiên chứ không nhân tạo một ly nào. Ngay từ lúc đó, Tuấn đã mê thơ Lý Bạch, nhứt là hai bài “Hoàng hạc lâu” và “Tương Tiến tửu”. Và dường như thẩm nhuần tính tình phóng túng trong thơ ca họ Lý. Những lúc ấy, tôi không nhớ tới những chuyện như “Thần hổ”, “Tiếng ai khóc trong rừng khuya”, tôi không nhớ tới bao nhiêu truyện ngắn của Tây Xỉa viết cho báo mà chỉ nhớ đến hai bài thơ dịch, một bài là “Hoàng hạc lâu”, và một bài là “Tương Tiến tửu”.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Chữ nghĩa lơ mơ lơ mỗ

*Chim khôn chim đậu cành cao
Bướm khôn bướm đậu ngay vào đầu chim*

Tiếng Việt trong sáng

“Cụm từ” và “nhóm từ”, người trong nước ghép chữ không theo quy luật nào cả như râu ông nọ cắm cằm bà kia. Vì từ Việt phải đi với Việt (cụm, nhóm), từ Hán phải đi với Hán (từ).

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Hủ qua

Ca dao có câu:

*Hủ qua xanh, hủ qua trắng
Hủ qua mắc nắng hủ qua đèo
Thương em, thì anh làm giấy giao kèo
Lấn tay điểm chỉ mới thiệt con mèo của em*

Hủ qua đây là mướp đắng. Miền Nam gọi là khổ qua.
(Phụ đính: khổ qua là từ Hán)

Lộn

Lộn là làm, là sai, là không đúng.

Nhưng “đánh lộn” là đánh... đúng. Chứ không... sai.

“Cãi lộn” là cãi lung tung. Không phải là cãi... *lầm lộn*.

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

Sách Tàu

Đời xưa, khi nói tới học rộng, người ta thường ví là **học hết năm xe sách**.

- Thực ra, cái **năm xe** mà người Trung Hoa nói tới là năm xe chở những thanh tre, thanh gỗ kết với nhau. Những thanh tre đó có viết chữ và đó là sách của người xưa.
- Chữ “sách” của người Tàu nay vẫn còn dùng là một tượng hình của loại sách đó.

Và nếu thế, năm xe sách có lẽ cũng chỉ bằng vài chục cuốn sách của chúng ta ngày nay.

Tre được cắt thành từng phiến đều đặn, cật (tức phần ngoài cùng) được cạo đi rồi đem hong lửa cho chảy mỡ hôi (hãn thanh) và ám khói ngõ hầu ít bị mối mọt. Người ta sẽ khắc hay viết bằng bút lông trên các thanh tre này và buộc lại thành sách. Một cuốn sách kiểu đó không những đã cồng kềnh, nặng nề mà lại chẳng viết được bao nhiêu.

Chính thế mà cổ nhân viết hết sức cô đọng và hàm súc, lời thật ít mà ý thật nhiều chứ không dài dòng như chúng ta ngày nay.

Người Việt sửa thơ Tàu

Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) quê Vĩnh Định, An Giang, đỗ thủ khoa thi Hương tại trường thi Gia Định.

Thủ khoa Nghĩa nổi tiếng là người hay thơ, một hôm trong lúc nhàn đàm chuyện văn chương, cầm tập thơ *Đường thi tam bách thủ* đọc lên bài *Nhân gian tứ hỷ*:

Cửu hàn phùng cam vũ
Tha hương ngộ cổ tri
Động phòng hoa chúc dạ
Kim bảng quải danh thì

Dịch nghĩa là

“*Hạn lâu gặp mưa rào, xa quê gặp bạn cũ, đêm động phòng hoa chúc, bằng vàng đề tên*”.

Mọi người khen hay, nhưng Thủ Khoa Nghĩa lắc đầu vì chưa hẳn là hay nếu thêm mỗi câu đầu 2 (hai) chữ:

*Thập niên cửu hàn phùng cam vũ
Thiên lý tha hương ngộ cổ tri
Hòa thượng động phòng hoa chúc dạ
Mộc nho kim bảng quải danh thì*

Thủ Khoa Nghĩa dẫn giải: “*Mười năm nắng hạn mới gặp mưa rào, xa quê ngàn dặm gặp bạn cũ, nhà sư có được đêm động phòng hoa chúc, và học trò đốt đi thi bằng vàng đề tên*” ...thì hay hơn.

(Trương Quang – báo Ngày Nay)

Cái và con

Cái gì: có chân mà không có đầu: *Cái ghế*

Con gì: có đầu mà không có chân: *Con chim*

Văn hóa ẩm thực: quán Bà Cả Đọi

Khách nhìn món ăn rồi chỉ. Ấy là quán cơm chỉ đầy hương vị Bắc kỳ, những bát canh rau đay nấu cua, đĩa cà pháo chấm mắm tôm, đĩa dưa cải chua, đĩa thịt đông, đĩa rau muống xào, đĩa đậu rán...

Tên nguyên thủy là quán Bà Cả Đại (người làng Đồng Nhân). Ban đầu ở Chợ Cũ, sau về con hẻm đường Nguyễn Huệ.

Theo giai thoại vì khách đến ăn thường là nghèo và “đói” nên Bà Cả Đại được Nguyễn Thụy Long gọi chệch đi là...Bà Cả Đọi.

(Trà Lũ – báo Thời Báo)

Chữ nghĩa trong câu đối

“Xuất đối dị, dị đối nan” hiểu theo nghĩa là “ra đối dễ, đối lại khó” như dưới đây:

Chữ nghĩa làng văn – CV049 19

- Thầy lang “băm” thầy lang băm, thầy lang băm “hăm” băm thầy lang
Ông thầy “hù” ông thầy hù, ông thầy hù “chù” hù ông thầy.
- Người làm nghề “đề đầu đề cổ thiên hạ” ngoài Bắc gọi là phó cạo. Trong Nam kêu là thầy hù.

Theo Vương Hồng Sển ngoài cắt tóc còn lấy ráy tai, người cắt tóc thổi “..hù..hù..” (tiếng Bắc:

phù phù) quanh vành tai để cứt hay ráy tai bay ra nên được gọi...*thầy hù*.

(Nguyễn Kiến Thiết – báo Thời Báo)

Văn hóa ẩm thực: cơm Âm phủ

Cơm Âm phủ ra đời đầu đó vào năm cuối của đệ nhị thế chiến 1914-1918 do ông Tống Phước Kỳ là chủ. Đó là một loại cơm đĩa thập cẩm trộn đủ thứ được xắt nhỏ như nem, chả, thịt nướng, tôm chấy, thịt heo, dưa chuột bóp với chén nước mắm pha loãng.

Một phần vì có người cho là món xà bần của những thứ hàng rong Huế bán ế còn lại và ông Tống Phước Kỳ mua rẻ, xắt nhỏ trộn với cơm cho những người đi đêm về khuya.

Một phần khác nữa vì quán dựng lên ở mảnh đất hoang vu, tên là Đất Mới, vùng ngoại biên hẻo lánh của phía đông Tòa Khâm. Quanh Dinh có đồn lính Tây, lính khổ xanh, khổ đỏ, lính tập, lính kèn. Do đó khu Đất Mới trở thành xóm Bình Khang có nhiều nhà chứa gái làng chơi. Thế nên ông Bửu Thụ có câu thơ:

Muốn ăn cơm đĩa trữ tình

Có quán Âm Phủ, mà rình phía trong

Trong không khí đêm khuya, đèn đuốc hiu hắt của một quán bình dân ở một vùng không có nhiều cột đèn điện vào đầu thế kỷ... nên khách hàng đặt tên là: cơm Âm phủ.

(Lê văn Lân – Xưa và nay)

Tiếng Việt khó khăn

Có người cho rằng tiếng Việt phát âm khó khăn quá, như câu dưới đây:

- *Nguyễn Tuyển chuyên quyền huênh hoang.*

Hoặc giả như âm “oay” đọc và nghe như muốn “oải” rồi với 8 từ:

- “loay hoay”, “hí hoáy”, “ngoáy”, “xoay”, “khoáy”, “toáy”.

Và vần “uay” với

- “quay”, “quây”, “quẩy”, “quáy”, “quây”, “quấy”.

(Đỗ Quang Vinh - Tiếng Việt tuyệt vời)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

*Nhận được thư em lúc nhá nhem
Mừng mừng tủi tủi mở ra xem
Trong thư em viết dăm ba chữ
"Anh ơi ngày mai "nó"... lấy em!!!"*

Biến đổi từ vựng trong tiếng Việt

Sự biến đổi của ngôn ngữ là hiện tượng tự nhiên bởi lẽ bản chất của nó là đổi mới. Nhưng không tạo ra ngôn ngữ mới mà chỉ hoàn thiện những cấu trúc và chức năng đã có... Một hiện tượng bình thường như vậy có ảnh hưởng đến ba bộ phận cấu thành một ngôn ngữ:

- *Ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng.*

Hệ thống ngữ âm của ngôn ngữ biến đổi chậm và không đều. Trong khi hệ thống ngữ pháp biến đổi chậm nhất.

So với ngữ âm và ngữ pháp, bộ phận từ vựng phát triển nhanh nhất và nhạy cảm nhất. Vì nó gắn liền với những biến đổi trong tư duy của con người. Vì vậy những từ ngữ mới luôn luôn xuất hiện nhằm đáp ứng sự nhận thức và óc suy nghĩ của chúng ta.

(Nguyễn Hữu Trí – Sự biến đổi từ vựng...)

Chữ nghĩa Bắc - Nam

Hỏi :

- Con lợn khác con heo ở chỗ nào?

Đáp :

- Con heo ăn *bắp* còn con lợn ăn... *ngô!*

(Trau dồi tiếng Việt - DatViet.com)

Truyện cực ngắn hay truyện chóp: Vưu vật

Từ đó về sau, mỗi lần đi tắm, Tiên Dung lại ra lệnh Chử Đồng Tử cởi truồng nằm ngửa dưới lớp cát ngay nơi nàng xối nước.

Nguyễn Du sinh năm nào?

Xưa nay có nhiều thư tịch, văn bản đưa nhiều giả thuyết về năm sinh của Nguyễn Du nhưng tựu trung ở hai năm 1765 và 1766. Vậy thực tế Nguyễn Du sinh năm nào?

Theo Nguyễn Lộc "Từ điển Văn học" Nguyễn Du tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Sinh năm Ất Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng. Có tài liệu ghi ngày sinh của Nguyễn Du là 23 tháng Mười một, tính ra Dương lịch là 03.1.1766. Quê Nguyễn Du ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh, nhưng lại sinh ở Thăng Long, và thời niên thiếu cũng ở Thăng Long...".

Trong tác phẩm "Truyện Kiều và hiện thực", Lê Đình Kỵ lại viết:

"Nguyễn Du sinh ngày 3 tháng giêng năm 1766 tại làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, trong một gia đình đại quý tộc và có truyền thống khoa cử lâu đời. Họ Nguyễn Tiên Điền là họ danh vọng nhất thời Lê Mạt, cho nên đương thời có lời truyền tụng:

*Bao giờ Ngàn Hồng hết cây
Sông Rum hết nước họ này hết quan*

Rõ ràng năm 1766 là giả thuyết được nhiều nhà nghiên cứu chấp nhận. Nhưng năm 1765 lại được nhiều người công nhận hơn. Như Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế trong "Từ điển Nhân vật lịch sử" viết: "Nguyễn Du tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên và có nhiều biệt hiệu như Hồng Sơn liệt hộ (về năm sinh, năm Ất Dậu là 1765, nhưng có sách ghi ngày 23 tháng 11 âm lịch: 3-1-1766 mới đúng). Con Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm và Trần Thị Tân, quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân trấn Nghệ An (nay là Hà Tĩnh), nhưng sinh ở Thăng Long".